

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2397/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 11116/TTr-BKHĐT ngày 17 tháng 12 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao 37.287,804 tỷ đồng (ba mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi bảy tỷ, tám trăm linh tư triệu đồng) kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016 cho các Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo danh mục dự án và tổng số vốn trái phiếu Chính phủ theo ngành, lĩnh vực theo các phụ lục đính kèm, bao gồm số thu hồi các khoản vốn ứng trước kế hoạch.

Điều 2.

1. Giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định giao các Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016:

a) Đối với các dự án giao thông, thủy lợi, y tế, vốn đối ứng các chương trình, dự án ODA, chương trình kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên: giao mức vốn trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2016 cho từng dự

án, bao gồm số thu hồi các khoản vốn ứng trước kế hoạch của từng dự án theo kết quả giải ngân đến hết thời gian quy định theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Đối với các dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La: giao tổng số kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016 cho từng tỉnh để thu hồi các khoản vốn ứng trước kế hoạch theo kết quả giải ngân đến hết thời gian quy định theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Giao Bộ Tài chính thu hồi số vốn trái phiếu Chính phủ ứng trước tại khoản 1 Điều này theo kết quả giải ngân đến hết thời gian quy định theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Các Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016 được giao:

1. Thông báo kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ cho các dự án theo quy định điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định này.

2. Hoàn trả các khoản vốn ứng trước theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này.

3. Bố trí vốn để thanh toán nợ xây dựng cơ bản của các dự án.

4. Báo cáo kết quả giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 01 năm 2016.

5. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016 theo đúng quy định.

6. Thời gian thực hiện và thanh toán kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016 theo quy định của Luật Đầu tư công.

7. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm, báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân vốn trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2016 theo quy định.

8. Khẩn trương hoàn thiện các thủ tục đầu tư các dự án của chương trình kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên được giao bổ sung vốn trái phiếu Chính phủ từ nguồn dự phòng giai đoạn 2012 - 2015 theo quy định của Luật Đầu tư công và Nghị quyết số 81/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ và các văn bản pháp luật liên quan; bảo đảm đến hết

ngày 31 tháng 3 năm 2016 cấp có thẩm quyền phải phê duyệt quyết định đầu tư dự án; tổng hợp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giáo dục và Đào tạo danh mục dự án đủ thủ tục đầu tư để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016 cho các dự án này.

Điều 4.

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan thanh tra, kiểm toán về tính chính xác của các thông tin, số liệu và mức vốn bố trí cho các dự án.

b) Đôn đốc các Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông báo kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016 đúng quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát danh mục dự án chưa đúng quy định, chưa đủ điều kiện giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 30 tháng 4 năm 2016.

d) Báo cáo Chính phủ tình hình giao và thực hiện vốn trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2016 theo quy định.

2. Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ và đồng gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo định kỳ:

a) Tình hình huy động vốn trái phiếu Chính phủ theo định kỳ 6 tháng và hàng năm.

b) Tình hình giải ngân kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ định kỳ hàng tháng và hàng quý theo quy định.

c) Trước ngày 29 tháng 02 năm 2016, báo cáo tình hình giải ngân kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ các năm 2012, 2013, 2014 của từng dự án để có căn cứ điều chỉnh kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012 - 2015 và bổ sung giai đoạn 2014 - 2016.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Bộ trưởng các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quốc phòng, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được giao vốn tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố thuộc TW;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, các Vụ: KTN, KGVX, NC, V.III, TH, TKBT;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b) *415*

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

Tỉnh Bắc Ninh

Phụ lục I

KẾ HOẠCH VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ NĂM 2016

*(Kèm theo Quyết định số 2397 /QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2015
của Thủ tướng Chính phủ)*



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Kế hoạch vốn TPCP năm 2016
	TỔNG SỐ	415.718
1	Thủy lợi	13.718
2	Y tế	402.000

Phụ lục II



DANH MỤC DỰ ÁN BỔ TRÍ VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ KẾ HOẠCH NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 2397/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư theo quy định tại Quyết định giao kế hoạch TPCP các năm 2012-2015 của TTgCP					Kế hoạch vốn TPCP năm 2016
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: TPCP			
							Tổng số	Điều chỉnh do tăng giá	Điều chỉnh tăng quy mô	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ					2.015.813	1.652.000	1.641.338	10.662	415.718
I	THỦY LỢI					58.920	49.380	38.718	10.662	13.718
	Nạo vét sông Ngụ hệ thống thủy nông Nam Đuống	Gia Bình, Lương Tài	Tiêu 10660 ha	2008-2012	961, ngày 13/7/2009	58.920	49.380	38.718	10.662	
II	Y TẾ					1.956.893	1.602.620	1.602.620		402.000
	Bệnh viện huyện					903.928	683.942	683.942		
	Danh mục dự án hoàn thành, đã bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2015					903.928	683.942	683.942		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư theo quy định tại Quyết định giao kế hoạch TPCP các năm 2012-2015 của TTgCP				Kế hoạch vốn TPCP năm 2016	
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: TPCP			
							Tổng số	Điều chỉnh do tăng giá		Điều chỉnh tăng quy mô
1	Bệnh viện ĐK huyện Quê Võ	Quê Võ	150	2008-2011	1663/QĐ-UBND, 18/11/2008	172.990	129.743	129.743		
2	Bệnh viện ĐK huyện Lương Tài	Lương Tài	150	2007-2011	1193/QĐ-UBND, 08/9/2008; 729/QĐ-UBND, 19/11/2009	168.249	126.187	126.187		
3	Bệnh viện ĐK huyện Thuận Thành	Thuận Thành	150	2007-2011	1194/QĐ-UBND, 08/9/2008	130.184	97.638	97.638		
4	Bệnh viện ĐK huyện Yên Phong	Yên Phong	150	2007-2011	1286/QĐ-UBND, 11/9/2009	153.519	115.139	115.139		
5	Bệnh viện ĐK huyện Gia Bình	Gia Bình	150	2001-2012	1131/QĐ-UBND, 15/9/2011	84.485	69.360	69.360		
6	Bệnh viện ĐK huyện Tiên Du	Tiên Du	150	2008-2012	1192/QĐ-UBND, 8/9/2008	194.500	145.875	145.875		
	Bệnh viện tính					1.052.965	918.678	918.678		
	Danh mục dự án hoàn thành, đã bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2015					1.052.965	918.678	918.678		
7	Bệnh viện Tâm thần tỉnh Bắc Ninh	TP Bắc Ninh	150	2003-2012	898/QĐ-UBND, 9/7/2008; 1773/QĐ-UBND, 14/12/2010	67.730	67.730	67.730		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư theo quy định tại Quyết định giao kế hoạch TPCP các năm 2012-2015 của TTgCP					Kế hoạch vốn TPCP năm 2016
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: TPCP			
							Tổng số	Điều chỉnh do tăng giá	Điều chỉnh tăng quy mô	
8	Bệnh viện ĐK tỉnh Bắc Ninh	TP Bắc Ninh	1000	2008-2015	1702/QĐ-UBND, 13/11/2009; 1912/QĐ-UBND, 18/12/2009; 584/QĐ-UBND, 13/5/2010	537.149	402.861	402.861		
9	Bệnh viện Lao và Phổi tỉnh Bắc Ninh	TP Bắc Ninh	150	2008-2013	1691/QĐ-UBND, 12/11/2009	137.587	137.587	137.587		
10	Bệnh viện Nhi - Sản tỉnh Bắc Ninh	TP Bắc Ninh	200	2010-2015	2012/QĐ-UBND, 31/12/2010	310.500	310.500	310.500		